TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2024
V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mạnh và bà Hà Thị Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 365/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc *"Xin ly hôn và nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST - HNGĐ ngày 17/5/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Mai Thị T, sinh năm 1983. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: 34/14 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Nơi ở hiện nay: Buôn Y, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

*** Bị đơn:** Anh Lê Viết Á, sinh năm 1971, Vắng mặt;

Nơi đăng ký HKTT: 3 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Nơi ở hiện nay: Buôn Y, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2024 và quá trình tham gia tố tụng Nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:

Tôi và anh Lê Viết Á tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/7/2013, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có 02 con chung. Hai năm trở lại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp tính cách nên thường xuyên cãi nhau. Quan điểm sống không hợp nhau, chúng tôi đã ngồi lại nói chuyện nhưng vẫn không có tiếng nói chung. Hiện nay hai vợ chồng tôi sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là: Cháu Lê Viết H, sinh ngày 06/9/2015 và cháu Lê Viết M, sinh ngày 16/5/2014; Hiện nay hai con đang ở với tôi và do tôi là người trực tiếp nuôi ăn học xã C, huyện C nên tôi đề nghị tòa án giao hai con cho tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh Ánh cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Viết Á đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Lê Viết Á vắng mặt không có lý do.*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng:

Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T, chị Mai Thị T được ly hôn với anh Lê Viết Á.

Về con chung: Giao Lê Viết H, sinh ngày 06/9/2015 và cháu Lê Viết M, sinh ngày 16/5/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại xã C, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Lê Viết Á lần thứ hai nhưng anh Lê Viết Á vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Viết Á là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Chị Mai Thị T và anh Lê Viết Á tự nguyện đăng ký kết hôn 11/7/2013, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Qua lời khai của đương sự và xác minh tại địa phương đều cho thấy quá trình chung sống, chị T và anh Lê Viết Á thường bất đồng quan điểm nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã. Hiện nay hai vợ chồng không sống chung với nhau. Trong thời gian đó hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, việc chị T xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Ánh là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3.1] Về con chung: Chị T và anh Ánh có 02 con chung: Cháu Lê Viết H, sinh ngày 06/9/2015 và cháu Lê Viết M, sinh ngày 16/5/2014;

Qua lời khai của nguyên đơn và Biên bản xác minh tại địa phương ngày 05/4/2024, cho thấy hiện nay cháu H và M đang sống cùng chị T tại buôn Yông B, xã E và do chị T trực tiếp nuôi ăn học. Còn anh Ánh đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về địa phương nên không thường xuyên chăm lo cho con. Nguyện vong của hai con là ở với mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị T, giao hai cháu H và M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi là phù hợp.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mai Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh Lê Viết Á không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên*:**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị T .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T được ly hôn với anh Lê Viết Á.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Viết H, sinh ngày 06/9/2015 và cháu Lê Viết M, sinh ngày 16/5/2014 cho chị Mai Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mai Thị T không yêu cầu anh Lê Viết Á cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Lê Viết Á được quyền đi lại thăm nom con chung, chị Mai Thị T không được ngăn cản quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014633 ngày 13/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh ĐắkLắk.

5. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện CưM'gar;
- THADS huyện CưM'gar;
- UBND xã Cuôr Dăng;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bế Văn Toàn